

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TÔ ĐÌNH DÂN

**TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2010

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ , ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐOÀN THỊ NGỌC TRAI

Phản biện 1: TS. NGUYỄN MẠNH TOÀN

Phản biện 2: PGS.TS. LÊ HUY TRỌNG

Luận văn sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 25 tháng 09 năm 2010

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng**
- Thư viện trường Đại học kinh tế , Đại học Đà Nẵng**

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Việc gia nhập tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đã tạo điều kiện thuận lợi không nhỏ cho các doanh nghiệp khai thác và chế biến sâu tinh quặng Titan trong việc tiếp cận và xuất khẩu sản phẩm sang thị trường các nước trên thế giới, đây là điều kiện thuận lợi để phát huy tiềm năng vốn có của ngành. Tuy nhiên, với sự ra đời và phát triển hàng chục năm về hoạt động sản xuất sâu tinh quặng Titan của các doanh nghiệp ở các nước Canada, Mỹ, Nauy, Ấn độ và Úc, trong khi đó hoạt động chế biến sâu tinh quặng Titan ở Việt Nam mới ra đời trong những năm gần đây, như vậy làm thế nào để cạnh tranh được về chất lượng và giá cả sản phẩm với các nước trên thế giới, đây là câu hỏi đặt ra cho các doanh nghiệp khai thác và chế biến sâu tinh quặng Titan.

Sản phẩm khai thác và chế biến sâu tinh quặng Titan vốn có đặc trưng riêng của nó. Một số các đặc trưng thường gặp như sản xuất đi theo một quy trình kỹ thuật công nghệ phức tạp qua nhiều công đoạn, nếu không có sự tổ chức quản lý tốt, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng phòng, ban, cá nhân cũng như việc ban hành các quy chế hoạt động và thiết kế quy trình tổ chức sản xuất khoa học và hợp lý thì nguyên vật liệu cũng như các chi phí khác sẽ bị sử dụng một cách lãng phí. Thực tế cũng đã có những doanh nghiệp xảy ra tình trạng này.

Như vậy, để hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại hiệu quả cao nhất thì các doanh nghiệp phải xây dựng một hệ thống các công cụ quản lý hữu hiệu để nâng cao năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế, trong đó cần chú trọng đến chất lượng và giá thành sản

phẩm. Để có chất lượng sản phẩm cao với giá thành hợp lý thì đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức sử dụng có hiệu quả các yếu tố đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm. Vấn đề này đã đặt ra cho công ty phải xây dựng một hệ thống kiểm soát chi phí sản xuất.

Kiểm soát chi phí là hoạt động thiết yếu cho bất kỳ doanh nghiệp nào. Hiểu được các loại chi phí, các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí, chúng ta có thể kiểm soát được chi phí, từ đó có thể tiết kiệm chi phí, vấn đề chi tiêu sẽ hiệu quả hơn, và sau cùng là tăng lợi nhuận hoạt động của doanh nghiệp.

Công tác kiểm soát chi phí sản xuất ở Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định vẫn còn những tồn tại như công tác lập dự toán chi phí sản xuất còn chưa linh hoạt, chưa thực sự gắn trách nhiệm quản lý với yêu cầu kiểm soát chi phí sản xuất, chưa lập dự toán chi phí khắc phục môi trường tính vào chi phí sản xuất ...

Với những lý do trên, tác giả chọn đề tài “ Tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định” để nghiên cứu.

2. Tổng quan về đề tài nghiên cứu

Trong khuôn khổ của đề tài đang thực hiện, tác giả đã tham khảo, tìm hiểu tư liệu các đề tài đã nghiên cứu về các vấn đề kiểm soát chi phí trong các doanh nghiệp, cụ thể là tác giả Nguyễn Phi Sơn (2006) “Xây dựng hệ thống kiểm soát chi phí xây lắp tại các đơn vị thuộc Tổng công ty xây dựng miền Trung”- Luận văn thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng; tác giả Trịnh Thị Hoàng Dung (2006) “Tăng cường kiểm soát nội bộ về chi phí ở các doanh nghiệp thuộc khu quản lý đường bộ 5”- Luận văn thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng; tác giả Hoàng Thị Thanh

Hải (2005) “Nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ về chi phí ở Công ty Điện lực 3”- Luận văn thạc sỹ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng.

Tôi cho rằng những công trình khoa học trên là những tư liệu rất quý báu cả về lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, các nghiên cứu chưa đề cập đến vấn đề kiểm soát CPSX của các DN khai thác khoáng sản Titan trong nước nói chung và trên địa bàn tỉnh Bình Định nói riêng. Vì vậy, luận văn mà tác giả đang tập trung nghiên cứu là kiểm soát CPSX tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định trên cơ sở nghiên cứu về bản chất, vai trò và nội dung của kiểm soát chi phí cũng như các giải pháp kiểm soát chi phí gắn liền với thực tiễn các bối cảnh kinh tế cụ thể.

3. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Về mặt lý luận: Luận văn tổng hợp những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát chi phí sản xuất và những đặc điểm của các Công ty khai thác khoáng sản Titan đối với công tác kiểm soát chi phí sản xuất.

Về mặt thực tiễn: Luận văn nghiên cứu công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định trong điều kiện về trình độ khoa học, kỹ thuật công nghệ, trình độ quản lý và điều kiện sản xuất hiện tại của công ty. Trong đó, luận văn tập trung chủ yếu vào nghiên cứu lĩnh vực khai thác và chế biến tinh quặng Titan.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu lý luận về công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong doanh nghiệp và thực tiễn công tác

kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định. Tuy nhiên, trong khuôn khổ luận văn đề tài chỉ tập trung vào nghiên cứu công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất về khai thác và chế biến tinh quặng Titan.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện việc nghiên cứu, luận văn sử dụng các phương pháp: Phương pháp phỏng vấn, quan sát trực tiếp, thu thập thông tin tài liệu và phương pháp thống kê, so sánh, phân tích và tổng hợp.

6. Những đóng góp của đề tài

Về mặt lý luận: Đề tài góp phần làm sáng tỏ thêm các vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp khai thác và chế biến quặng Titan.

Về mặt thực tiễn: Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định, đề tài đã nêu ra các tồn tại trong công tác kiểm soát chi phí sản xuất, đồng thời cũng đưa ra các giải pháp tăng cường công tác kiểm soát chi phí sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận văn được trình bày thành 3 chương

Chương 1: Lý luận chung về công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định.

Chương 3: Các giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định.

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

1.1.1. Định nghĩa và mục tiêu của hệ thống KSNB

1.1.1.1. Định nghĩa

Quá trình nhận thức và nghiên cứu về KSNB đã dẫn đến các định nghĩa khác nhau từ giản đơn đến phức tạp về hệ thống này. Đến nay, định nghĩa được chấp nhận khá rộng rãi là: “ Kiểm soát nội bộ là một quá trình do người quản lý, hội đồng quản trị và các nhân viên của đơn vị chi phối, nó được thiết lập để cung cấp một sự bảo đảm hợp lý nhằm thực hiện ba mục tiêu dưới đây:

Báo cáo tài chính đáng tin cậy;

Các luật lệ và quy định được tuân thủ;

Hoạt động hữu hiệu và hiệu quả.”

1.1.1.2. Các mục tiêu của KSNB:

Đối với báo cáo tài chính, KSNB phải bảo đảm về tính trung thực và đáng tin cậy.

Đối với tính tuân thủ, KSNB trước hết phải bảo đảm hợp lý việc chấp hành pháp luật và các quy định.

Đối với mục tiêu sự hữu hiệu và hiệu quả của các hoạt động, KSNB giúp đơn vị bảo vệ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, bảo mật thông tin, nâng cao uy tín, mở rộng thị phần, thực hiện các chiến lược kinh doanh của đơn vị ...

1.1.2. Các thành phần của hệ thống KSNB

1.1.2.1. Môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát gồm các nhân tố chính đó là: Đặc thù về quản lý; Cơ cấu về quyền lực; Cơ cấu tổ chức; Chính sách nhân sự; Công tác kế hoạch; Bộ phận kiểm toán nội bộ và Các nhân tố bên ngoài.

1.1.2.2. Hệ thống kế toán

Hệ thống kế toán bao gồm: Hệ thống chứng từ ban đầu và cách vận dụng hệ thống chứng từ ban đầu; Hệ thống tài khoản và sổ sách kế toán; Hệ thống báo cáo kế toán.

1.1.2.3. Thủ tục kiểm soát

Thủ tục kiểm soát là các quy chế và các thủ tục do Ban lãnh đạo đơn vị thiết lập và chỉ đạo thực hiện trong đơn vị nhằm đạt được mục tiêu quản lý cụ thể. Các thủ tục kiểm soát lập ra dựa trên ba nguyên tắc cơ bản là nguyên tắc phân công phân nhiệm, nguyên tắc bất kiêm nhiệm và nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn.

1.1.3. Ý nghĩa của hệ thống KSNB

Giúp cho việc quản lý hoạt động kinh doanh của đơn vị hiệu quả, giảm bớt nguy cơ rủi ro tiềm ẩn trong SXKD.

Đảm bảo đơn vị hoạt động hiệu quả, sử dụng tối ưu các nguồn lực và đạt được các mục tiêu do DN đặt ra.

Bảo vệ tài sản đơn vị không bị hư hỏng, mất mát, hao hụt, gian lận, sử dụng sai mục đích. Đảm bảo tính chính xác, kịp thời của các số liệu, các báo cáo kế toán.

Giúp cho DN kiểm soát tốt chi phí của đơn vị.

Đảm bảo mọi thành viên tuân thủ thỏa ước lao động, nội quy, quy chế, quy trình hoạt động của đơn vị cũng như các quy định của pháp luật có liên quan.

1.1.4. Khái niệm và mục tiêu kiểm soát CPSX

1.1.4.1. Khái niệm

1.1.4.2. Mục tiêu kiểm soát CPSX

Kiểm soát CPSX nhằm mục tiêu tăng hiệu quả hoạt động sản xuất của DN, giảm thiểu chi phí không cần thiết, hạ giá thành sản xuất, tăng lợi nhuận, tăng hiệu quả trong cạnh tranh, đảm bảo hoàn thành kế hoạch của đơn vị hoặc những cam kết với khách hàng, ngoài ra nó còn là cơ sở để nâng cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi bộ phận trong toàn DN.

Ngoài ra kiểm soát CPSX còn nhằm mục đích bảo vệ tài sản của đơn vị, đảm bảo độ tin cậy của các thông tin kế toán về CPSX cũng như đảm bảo việc thực hiện các chế độ kế toán hiện hành về hạch toán CPSX trong DN.

1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CPSX TRONG DN

1.2.1. Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ cho công tác kiểm soát CPSX

1.2.1.1. Phân loại CPSX phục vụ cho quá trình kiểm soát CPSX

CPSX có thể được phân thành các loại như sau: Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí; Phân loại chi phí theo công dụng kinh tế.

1.2.1.2. Hệ thống chứng từ kế toán

Căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí NVL trực tiếp, chi phí NCTT và CPSX chung nói riêng cũng như các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại DN nói chung đều phải lập chứng từ kế toán theo đúng quy định hiện hành.

1.2.1.3. Hệ thống sổ kế toán

Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán áp dụng và yêu cầu quản lý, đơn vị mở các sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp.

1.2.1.4. Hệ thống báo cáo về CPSX

Hệ thống báo cáo về CPSX chủ yếu được thể hiện trên báo cáo kết quả kinh doanh theo chức năng chi phí và theo mô hình ứng xử chi phí.

1.2.1.5. Chi phí định mức

Chi phí định mức là biểu hiện bằng tiền những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa theo tiêu chuẩn để sản xuất một đơn vị sản phẩm ở điều kiện bình thường.

Định mức về lượng và định mức về giá là hai yếu tố để xây dựng chi phí định mức cho một sản phẩm. Đây là cơ sở để xây dựng định mức chi phí NVL, định mức chi phí NCTT và định mức biến phí sản xuất chung.

1.2.1.6. Dự toán chi phí

Dự toán chi phí được hình thành trên cơ sở dự toán sản xuất và định mức chi phí bao gồm: Dự toán chi phí NVL trực tiếp, dự toán chi phí NCTT và dự toán CPSX chung.

1.2.2. Thiết lập các thủ tục kiểm soát CPSX

1.2.2.1. Thủ tục kiểm soát chi phí NVL trực tiếp

Kiểm soát xuất kho NVL dùng cho sản xuất: Cơ sở để các DN kiểm soát việc xuất kho NVL là dựa vào định mức tiêu hao NVL và thời gian, số lượng giữa các lần xuất kho gần nhau ...

Kiểm soát NVL mua dùng trực tiếp: Cơ sở để các DN kiểm soát chất lượng và giá NVL là tham khảo chất lượng và giá NVL trên phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng để xem báo giá và tổ chức đấu thầu,...

1.2.2.2. Thủ tục kiểm soát chi phí NCTT

Căn cứ vào Biên bản kiểm nghiệm khối lượng sản phẩm thực tế hoàn thành của người công nhân trên cơ sở bảng thanh toán lương và các khoản phụ cấp và hợp đồng thuê nhân công...

1.2.2.3. Thủ tục kiểm soát CPSX chung

CPSX chung trong các phân xưởng sản xuất được tính theo một tỷ lệ nhất định so với chi phí NVL trực tiếp (khoảng 92%) do công ty quy định theo dự toán, được tập hợp theo từng phân xưởng sản xuất.

1.2.3. Phân tích biến động CPSX

Phân tích biến động CPSX có thể xác định được khả năng, các nguyên nhân tác động đến sự tăng giảm chi phí thực tế so với chi phí định mức, chi phí dự toán.

Nhân tố do lượng và nhân tố do giá là hai nhân tố chủ yếu tác động đến tình hình biến động của CPSX.

1.2.3.1. Biến động chi phí NVL trực tiếp

Biến động về chi phí có thể được kiểm soát gắn liền với yếu tố lượng và giá có liên quan.

1.2.3.2. Biến động chi phí NCTT

Việc kiểm soát chi phí NCTT được gắn liền với yếu tố lượng và giá.

1.2.3.3. Biến động CPSX chung

CPSX chung biến động là do biến động CPSX chung khả biến (biến phí) và biến động của CPSX chung bất biến (định phí).

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương này trình bày những vấn đề chung về hệ thống KSNB; khái quát kiểm soát CPSX và xác định vai trò kiểm soát CPSX trong DN.

Phần nghiên cứu này sẽ là cơ sở lý luận cho việc phản ánh thực trạng công tác kiểm soát CPSX tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định, từ đó tìm ra giải pháp tăng cường kiểm soát CPSX tại Công ty một cách hiệu quả hơn.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

2.1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định

Tiền thân Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định là Công ty khoáng sản Bình Định được thành lập năm 1985.

Thực hiện Quyết định số: 09/2001/QĐ-UB ngày 08 tháng 01 năm 2001 của UBND tỉnh Bình Định, Công ty khoáng sản Bình Định được chuyển thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định.

Hiện nay, vốn điều lệ của công ty là 82.618.200.000 đồng và đội ngũ công nhân của Công ty có trên 456 công nhân.

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm và sản xuất sản phẩm trong khai thác và CBKS Titan

Đặc điểm nổi bật trong khai thác và CBKS Titan là khai thác và chế biến hàng loạt với khối lượng lớn nhưng với giá trị kinh tế cao.

Quá trình sản xuất sản phẩm bao gồm nhiều khâu và đặt ở các địa điểm khác nhau, nhưng lại có quan hệ mật thiết với nhau từ khâu khai thác đến việc chế biến.

2.1.3. Ảnh hưởng của đặc điểm sản phẩm và sản xuất sản phẩm trong khai thác và CBKS Titan đến công tác kiểm soát CPSX.

Quá trình quy hoạch khai thác và chế biến Titan thiếu đồng bộ làm lãng phí và thất thoát tài nguyên khoáng sản và gây ô nhiễm môi trường.

Sản phẩm ngành khai thác và CBKS Titan được sản xuất hàng loạt với khối lượng rất lớn nên việc kiểm tra chất lượng bán thành phẩm chỉ kiểm tra theo cách chọn mẫu. Đây cũng cho thấy rủi ro về kiểm soát chi phí sản xuất qua từng công đoạn sản xuất.

2.1.4. Đặc điểm về tổ chức quản lý sản xuất ở Công ty

Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định thiết lập mô hình tổ chức quản lý theo kiểu trực tuyến chức năng với các bộ phận: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Giám đốc; Phó giám đốc; Phòng tổng hợp; Phòng kế toán; Phòng kỹ thuật; Phân xưởng khai thác; Phân xưởng cơ khí; Phân xưởng chế biến.

2.1.5. Tổ chức kế toán ở Công ty

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung.

2.1.5.2. Hình thức kế toán

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

Công ty thực hiện chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2.2. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CPSX TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

2.2.1. Môi trường kiểm soát ở Công ty

2.2.1.1. Chính sách nhân sự

Ở Công ty, quy trình tuyển dụng nhân sự tuân theo các quy chế liên quan đến chính sách nhân sự đã ban hành trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước.

2.2.1.2. Ban kiểm soát tại Công ty

Do Đại hội đồng cổ đông bầu gồm 03 thành viên, 03 cán bộ này là các cán bộ trực tiếp thực hiện các công việc kế toán, quản lý và công đoàn tại đơn vị và đơn vị quản lý cấp trên.

2.2.1.3. Bộ phận kiểm toán nội bộ

Hiện tại, Công ty chưa có bộ phận kiểm toán nội bộ.

2.2.1.4. Các nhân tố bên ngoài

Các văn bản pháp quy của Bộ công thương, Bộ tài chính, cơ quan thuế ...

2.2.2. Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ công tác kiểm soát CPSX tại Công ty

2.2.2.1. Công tác lập dự toán CPSX của Công ty

Dự toán chi phí NVL trực tiếp: Định mức về tiêu hao NVL do phòng kỹ thuật xây dựng; Định mức về giá NVL do bộ phận kế toán khảo sát trên thị trường cung cấp. Với cách xây dựng định mức như trên, Công ty tổng hợp thành dự toán cho từng loại sản phẩm.

Dự toán chi phí NCTT: Định mức về lượng: Xác định dựa trên khối lượng sản phẩm sản xuất dự kiến; Định mức về giá: Xác định dựa trên đơn giá lương của từng loại sản phẩm do Công ty ban hành. Cũng với cách xây dựng định mức như trên, Công ty tổng hợp thành dự toán cho từng loại sản phẩm.

Dự toán CPSX chung: Đối với CPSX chung, Công ty không phân loại CPSX chung liên quan trực tiếp đến từng sản phẩm mà liên quan đến toàn bộ sản phẩm sản xuất trong tháng.

Tuy nhiên, đối với loại CPSX chung liên quan trực tiếp đến từng sản phẩm khi nhu cầu công việc phát sinh thì các phân xưởng sản xuất viết phiếu đề nghị cấp vật tư trình phòng kỹ thuật và giám đốc xét duyệt.

Đối với CPSX chung mang tính chất liên quan đến nhiều sản phẩm được định mức theo quy chế ban hành của Công ty.

2.2.2.2. Phân loại CPSX phục vụ công tác kiểm soát CPSX ở Công ty

Công ty phân loại CPSX theo công dụng chi phí và theo mối quan hệ của chi phí với đối tượng chịu chi phí.

2.2.2.3. Luân chuyển chứng từ kế toán

Việc luân chuyển chứng từ kế toán được thực hiện theo từng loại chứng từ: Chứng từ liên quan đến chi phí NVL; Chứng từ liên quan đến chi phí nhân công; Chứng từ liên quan đến CPSX chung một cách tuần tự khoa học và hợp lý.

2.2.2.4. Tập hợp CPSX

Kế toán Công ty tập hợp CPSX theo từng loại sản phẩm.

2.2.2.5. Lập báo cáo CPSX

Cuối tháng, căn cứ số liệu từ các báo cáo tổng hợp kiểm soát CPSX và các bảng phân bổ chi phí kế toán tiến hành lập báo cáo CPSX.

2.2.3. Thiết lập các thủ tục kiểm soát CPSX ở Công ty

2.2.3.1. Mục tiêu kiểm soát CPSX tại công ty

Công ty đặt ra mục tiêu làm thế nào để CPSX thực tế phát sinh không vượt định mức dự toán, giảm thiểu chi phí không cần

thiết, hạ giá thành sản xuất, tăng hiệu quả trong cạnh tranh, tăng lợi nhuận, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất của DN.

2.2.3.2. Các thủ tục kiểm soát CPSX

Thủ tục kiểm soát chi phí NVL trực tiếp:

Thủ tục kiểm soát xuất kho NVL: Căn cứ vào giấy đề nghị cấp vật tư của các phân xưởng sản xuất được duyệt, căn cứ vào phiếu xuất kho và căn cứ vào định mức dự toán đã lập.

Thủ tục kiểm soát mua nguyên vật liệu xuất thẳng cho các phân xưởng sản xuất: Căn cứ Hợp đồng kinh tế và các Biên bản, giấy tờ liên quan đến việc mua NVL dùng trực tiếp tại các phân xưởng sản xuất.

Thủ tục kiểm soát chi phí NCTT: Căn cứ Bảng chấm công, Biên bản kiểm nghiệm sản phẩm hoàn thành, Bảng thanh toán lương.

Thủ tục kiểm soát CPSX chung: Đối với chi phí NVL và chi phí tiền lương thì Công ty thực hiện trình tự các thủ tục kiểm soát giống như trên, nhưng thay bằng xác nhận sản phẩm hoàn thành bằng bảng chấm công.

Đối với các chi phí còn lại thực hiện theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

2.2.4. Phân tích biến động CPSX

2.2.4.1. Phân tích biến động chi phí NVL trực tiếp

Hàng tháng, Công ty tiến hành đối chiếu khối lượng sản phẩm hoàn thành, so sánh với khối lượng NVL trực tiếp phát sinh thực tế với khối lượng NVL trực tiếp xuất theo chứng từ sổ sách là xuất theo định mức, dự toán của từng loại sản phẩm. Đối với những sản phẩm chưa hoàn thành, nghiệm thu sơ bộ, ước tính khối lượng NVL trực tiếp thực tế phát sinh được nghiệm thu so với định mức, dự toán của từng loại sản phẩm.

2.2.4.2. Phân tích biến động chi phí NCTT

Công ty thực hiện chế độ trả lương theo sản phẩm thực tế, mặt khác đơn giá tiền lương tính theo giá quy định. Vì vậy Công ty chỉ tiến hành kiểm soát sự thay đổi về lượng giữa khối lượng sản phẩm thực tế so với khối lượng dự toán.

2.2.4.3. Phân tích biến động CPSX chung

CPSX chung phát sinh theo từng phân xưởng liên quan trực tiếp đến từng sản phẩm, kiểm soát chi phí này giống như kiểm soát chi phí NVL trực tiếp ở phần 2.2.4.1 và chi phí NCTT ở phần 2.2.4.2.

CPSX chung liên quan đến nhiều sản phẩm: Kiểm soát thông qua quy định của Nhà nước như quy định về chế độ tiền lương, Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính, quy định về chế độ trích khấu hao, quy chế của Công ty.

Chi phí nhân công phục vụ sản xuất; chi phí NVL, nhiên liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng phục vụ sản xuất được kiểm soát giống như việc kiểm soát chi phí NVL trực tiếp và chi phí NCTT.

2.3. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CPSX TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Kết quả đã đạt được:

Bộ máy quản lý hợp lý, Ban lãnh đạo có năng lực trình độ chuyên môn.

Bộ máy kế toán được tổ chức một cách khoa học cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho lãnh đạo Công ty khi cần thiết.

Sự phân công, phân nhiệm và ủy quyền cho các cá nhân, phòng, ban, phân xưởng trong việc thực hiện kiểm soát CPSX không chồng chéo chức năng với nhau.

Với đội ngũ cán bộ và nhân viên có năng lực và trách nhiệm, công tác kiểm soát CPSX tại Công ty ngày càng hoàn thiện hơn.

Nhược điểm:

Môi trường kiểm soát: Các thành viên ban kiểm soát đều là các thành viên kiêm nhiệm vì vậy họ chưa thực sự phát huy được chức năng và nhiệm vụ của mình.

Công ty chưa thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ để đánh giá tình hình thực hiện các chế độ, chính sách.

Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ công tác kiểm soát CPSX: Công ty chưa thực hiện công tác kế toán quản trị theo yêu cầu của quản trị DN để giúp cho công tác kiểm soát chi phí hữu hiệu hơn.

Chưa quan tâm đúng mức đến công tác thống kê phục vụ cho lập dự toán vật tư sản xuất; lập dự toán linh hoạt vào thời điểm kiểm soát chi phí để kiểm soát sự biến động của chi phí một cách chính xác hơn.

Công tác lập dự toán của công ty chưa phù hợp với thực tế làm cho chi phí thực tế phát sinh không đúng với dự toán đã lập.

Công ty chưa thực sự quan tâm đến vấn đề môi trường vì vậy trong thực tế đã xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường và chi phí bỏ ra để khắc phục môi trường là không nhỏ.

Thủ tục kiểm soát CPSX: Các báo cáo về NVL, tiền lương chưa chỉ rõ chiều hướng biến động của chi phí NVL và nguyên nhân của sự biến động, chưa thực sự gắn trách nhiệm quản lý với yêu cầu kiểm soát CPSX.

Đối với quy trình mua NVL, kế toán vật tư trực tiếp thỏa thuận giá với người bán và việc mua NVL thuộc Kế toán vật tư đã tồn tại trong thời gian dài, điều này dễ dẫn đến việc thông đồng với người bán để chuột lợi cho bản thân.

Việc kiểm kê vật tư, hàng hóa chưa thấu đáo, còn mang tính thủ tục.

Công tác tuyên truyền giáo dục về pháp luật cho công nhân ở công ty chưa thực hiện thường xuyên.

Công ty chưa thực hiện việc lập báo cáo tình hình sử dụng máy móc thiết bị.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Ở chương này, Luận văn đã phản ánh được thực trạng công tác kiểm soát CPSX tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định. Qua đó, Luận văn đã nêu ra những ưu điểm và nhược điểm của công tác kiểm soát CPSX tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định.

Phần nghiên cứu này là cơ sở để đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường kiểm soát CPSX tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT CPSX TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

Cơ sở lý luận khoa học về kiểm soát CPSX tại các DN được trình bày ở Chương 1 đã khẳng định tầm quan trọng và lợi ích của công tác kiểm soát chi phí xuyên suốt trong quá trình hoạt động kinh doanh của các đơn vị. Đồng thời, thực trạng của công tác kiểm soát về CPSX trong ngành khai thác và CBKS Titan được khái quát và đánh giá qua Công ty Cổ phần khoáng sản Bình Định ở Chương 2, đã

phản ánh một cách tương đối toàn diện về sự tồn tại, bất cập trong công tác kiểm soát CPSX tại các Công ty khai thác và CBKS Titan.

Thực tế đã chứng minh không thể có một hệ thống kiểm soát nào là hoàn hảo, nghĩa là không có một hệ thống kiểm soát nào có thể ngăn ngừa mọi sai sót và gian lận có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Công ty khai thác và CBKS Titan. Vì vậy, việc tăng cường kiểm soát CPSX tại công ty cổ phần khoáng sản Bình Định là vấn đề cần thiết, khách quan.

3.2. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CPSX TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BÌNH ĐỊNH

3.2.1. Hoàn thiện môi trường kiểm soát tại Công ty

3.2.1.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý tại Công ty

Tách biệt chức danh Chủ tịch HĐQT và chức danh Giám đốc. Điều này góp phần làm tăng sự kiểm soát của HĐQT đối với hoạt động SXKD của Công ty.

Công ty phải đề cử những cá nhân khác, không phải là các nhân viên Phòng kế toán vào Ban kiểm soát và bồi dưỡng nghiệp vụ cho các thành viên này, đồng thời phải đặt Ban kiểm soát dưới HĐQT nhằm đảm bảo tính khách quan, độc lập và Ban kiểm soát hoạt động hết năng lực của mình để cung cấp cho Công ty một Báo cáo chất lượng góp phần đáng kể vào các quyết định của HĐQT Công ty.

UBND tỉnh Bình Định nên chọn từ hai đến ba cá nhân để đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty để việc biểu quyết thông qua các chủ trương chính sách, báo cáo của Đại hội đồng cổ đông khách quan hơn.

3.2.1.2. Thành lập Phòng Kiểm toán nội bộ

Công ty phải nhanh chóng thành lập Phòng Kiểm toán nội bộ để thực hiện việc giám sát và kiểm tra đánh giá thường xuyên toàn bộ hoạt động tài chính – kế toán của Công ty và nhất là tập trung kiểm soát nội bộ về CPSX kinh doanh.

3.2.2. Hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ công tác kiểm soát CPSX

3.2.2.1. Xác định lại mục tiêu kiểm soát

Hiện nay, Công ty chỉ quan tâm kiểm soát CPSX thực tế phát sinh không vượt định mức dự toán nhằm hạ giá thành sản xuất sản phẩm, tăng hiệu quả trong cạnh tranh, tăng lợi nhuận, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất của DN, chưa quan tâm đến việc tuân thủ các yêu cầu của Luật bảo vệ môi trường cũng như nội dung về thời hạn giao hàng trong Hợp đồng kinh tế. Vấn đề này có thể dẫn đến công ty không đảm bảo tiến độ thực hiện hợp đồng và gây ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác và CBKS Titan, nếu điều này xảy ra thì chi phí để khắc phục hậu quả là không nhỏ, ngoài ra điều này còn ảnh hưởng đến uy tín của công ty. Vì vậy có lúc công ty phải chấp nhận chi phí thực tế phát sinh lớn hơn dự toán nhưng hiệu quả hoạt động tổng hợp cao hơn.

3.2.2.2. Lập lại dự toán CPSX phục vụ công tác kiểm soát CPSX

Các dự toán được lập hiện nay tại công ty là dự toán tĩnh, theo một mức độ hoạt động, điều này chưa đáp ứng được thông tin cho lãnh đạo để đưa ra các quyết định phù hợp với diễn biến của thị trường khi có sự thay đổi về quy mô sản xuất, khí hậu thời tiết ... Chi phí trên đơn vị sản phẩm sẽ thay đổi nếu có sự thay đổi các yếu tố liên quan, khi đó chi phí linh hoạt sẽ đáp ứng được yêu cầu này.

Do đó, việc lập dự toán CPSX linh hoạt phải thương xuyên thực hiện để làm căn cứ cho việc điều chỉnh định mức sản xuất sản phẩm.

3.2.2.3. Bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng và kế hoạch SXKD của Công ty

Đặc điểm của sản phẩm ngành khai thác và CBKS Titan là mỗi loại sản phẩm có bảng dự toán tiến độ sản xuất kèm theo dự toán CPSX cho từng công đoạn. Do vậy, căn cứ vào bảng dự toán này do Phòng kỹ thuật lập trong giai đoạn lập hồ sơ Công nghệ, mỗi một phân xưởng sản xuất phải tiến hành tổ chức sản xuất theo hồ sơ Công nghệ đã được lập, xem mỗi sản phẩm như một dự án và dùng phương pháp sơ đồ PERT/CPM để quản lý dự án – quản lý quá trình sản xuất sản phẩm có như thế mới đảm bảo được sản lượng sản xuất theo kế hoạch đã đề ra.

3.2.2.4. Tuân thủ Luật bảo vệ môi trường

Công ty nên tiến hành khảo sát kỹ thực địa trước khi khai thác, đồng thời thống kê lại các chi phí đã phát sinh cho việc khắc phục hậu quả về môi trường. Trên cơ sở đó xây dựng định mức về chi phí khắc phục môi trường tính vào CPSX để đảm bảo tính phát triển bền vững và toàn diện.

Tiến hành tổ chức hoàn thổ và trồng lại rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát ven biển ngay sau khi đã khai thác xong theo từng khu vực.

Do khoáng sản Titan nằm trong vùng nhạy cảm và bản thân khoáng sản cũng có những đặc thù, nên công ty phải nghiên cứu đánh giá tác động môi trường bổ sung.

Lập dự toán chi phí xử lý chất thải và khắc phục môi trường sau khai thác.

Áp dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong khai thác, tuyển thô và tuyển tách sa khoáng.

3.2.3. Giải pháp tăng cường kiểm soát CPSX tại Công ty

3.2.3.1. Kiểm soát chi phí NVL trực tiếp

Kiểm soát NVL tồn kho: NVL tồn kho cần được quản lý chặt chẽ và có kế hoạch kiểm kê định kỳ hoặc kiểm kê đột xuất theo yêu cầu của các đơn hàng, việc kiểm kê cần được kiểm soát chặt chẽ cả về lượng và chất.

Công ty có thể sử dụng phương pháp số lượng đặt hàng tối ưu (EOQ – Economic Order Quantity) để đặt mua hàng. Phương pháp này xác định được số lượng NVL tối ưu và thời điểm đặt hàng tối ưu để giảm thiểu chi phí dự trữ NVL.

Kiểm soát tiến độ nhận NVL: Việc kiểm soát chặt tiến độ nhận NVL là rất cần quan trọng, cần đặt mua NVL gần ngày giao hàng nhất có thể được. Do vậy, để CPSX không quá cao, cần thỏa thuận rõ với nhà cung cấp về điều khoản ngày giao hàng sớm nhất kể từ ngày hợp đồng mua bán được ký kết. Cần coi điều khoản này quan trọng tương tự như điều khoản về đơn giá.

Theo dõi chặt ngày nhận và ngày giao NVL để bắt đầu triển khai sản xuất. Cần cắt giảm tối đa thời gian thực hiện các khâu chuẩn bị sản xuất.

Tăng cường kiểm soát nguyên nhân làm biến động chi phí NVL: Công ty còn tiến hành lập bảng nhật ký theo dõi tình hình sản xuất trong những ngày mưa. Sau khi có bảng theo dõi này ta sẽ tính được tỷ lệ chi phí vượt định mức, đây là căn cứ để Công ty quy trách nhiệm cho những người có liên quan về việc quản lý CPSX trong mùa mưa.

Công ty giao cho Phòng tổng hợp việc theo dõi và phân tích xu hướng biến động giá cả của NVL cũng như sự biến động giá của ngoại tệ, đây là cơ sở để đưa ra các quyết định trong hợp đồng mua bán, đặc biệt là thời điểm thanh toán.

Lập báo cáo tình hình sử dụng NVL tại các phân xưởng sản xuất: Định kỳ hàng tháng công ty yêu cầu các phân xưởng sản xuất lập báo cáo tình hình sử dụng NVL. Sau khi có bảng báo cáo này, kết hợp với báo cáo nghiệm thu khối lượng sản phẩm hoàn thành và sản phẩm hoàn thành tương đương sẽ tính được lượng tiêu hao NVL so với định mức, nếu có sự chênh lệch lớn ta tiến hành kiểm kê để xác định lượng NVL còn lại ở phân xưởng sản xuất. Đây là cơ sở để xử lý tình trạng gây lãng phí vật tư trong khâu bảo quản và đưa vào sử dụng tại các phân xưởng sản xuất.

3.2.3.2. Kiểm soát chi phí NCTT

Công ty tính lương cho bộ phận sản xuất trực tiếp gồm 2 phần là lương thời gian (gồm lương cơ bản và các khoản tính theo lương cơ bản) và lương theo khối lượng sản phẩm hoàn thành.

3.2.3.3. Kiểm soát CPSX chung

Kiểm soát tình hình sử dụng máy móc thiết bị: Từng phân xưởng của Công ty nên lập báo cáo tình hình sử dụng máy móc thiết bị, trong báo cáo này cần so sánh được công suất sử dụng thực tế của máy móc thiết bị so với công suất thiết kế của máy móc thiết bị đó và những thiết bị nào lạc hậu thì Công ty nên tiến hành thanh lý.

Ngoài ra, chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty hiện nay đang thực hiện khấu hao TSCĐ theo tháng, vì vậy Công ty nên xem xét lại

cách tính khấu hao cho đúng với quy định hiện nay là khấu hao theo ngày thực tế sử dụng, đảm bảo tính hợp lý của CPSX.

Kiểm soát mức tiêu hao điện: Công ty nên lập biểu báo cáo tình hình sử dụng điện. Trong báo cáo tình hình sử dụng điện, cần so sánh được mức tiêu hao điện/1 tấn sản phẩm giữa dự toán so với thực tế.

Trên cơ sở đó Công ty đề ra các giải pháp tiết kiệm điện như: Tắt các công tắc điện khi máy ngừng hoạt động; thay lại hệ thống bóng điện cũ bằng hệ thống bóng điện tiết kiệm năng lượng ...

Ngoài ra Công ty có thể thay đổi các thiết bị sản xuất cũ bằng những thiết bị sản xuất mới của Viện Khoa học vật liệu - Viện Khoa học và công nghệ Việt Nam.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ thực trạng công tác kiểm soát CPSX tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định, kết hợp với cơ sở lý luận về kiểm soát CPSX, chương 3 của Luận văn đã đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát CPSX tại Công ty. Với hy vọng, Luận văn sẽ góp phần vào việc hoàn thiện và tăng cường công tác kiểm soát CPSX ở Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định nhằm đem lại hiệu quả cao trong hoạt động SXKD của Công ty.

KẾT LUẬN

Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế tất yếu dẫn đến mức độ cạnh tranh trên thương trường ngày càng gay gắt. Do vậy, để công ty tồn tại và phát triển thì vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý là phải thiết lập các kênh thu thập và xử lý thông tin một cách kịp thời, chính xác những biến động trên thị trường trong và ngoài nước, phải hiểu và nhận diện được các loại chi phí, các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí, chúng ta có thể kiểm soát được chi phí, từ đó có thể tiết kiệm chi phí,

vấn đề chi tiêu sẽ hiệu quả hơn, và sau cùng là tăng lợi nhuận cũng như hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Bất kỳ doanh nghiệp nào khi hoạt động đều phát sinh chi phí, đối với nhà quản lý thì vấn đề kiểm soát CPSX là mối quan tâm hàng đầu. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã giải quyết được các nội dung sau:

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát CPSX trong doanh nghiệp nói chung và đặc điểm kiểm soát CPSX trong ngành khai thác và CBKS Titan nói riêng, làm tiền đề cho việc đánh giá thực trạng và tìm ra các giải pháp tăng cường công tác kiểm soát CPSX tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định.

Luận văn phản ánh thực trạng công tác kiểm soát CPSX tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định bao gồm: Môi trường kiểm soát; phân loại CPSX phục vụ công tác kiểm soát CPSX; thiết lập các thủ tục kiểm soát CPSX; công tác lập dự toán CPSX và tổ chức hệ thống thông tin kế toán phục vụ công tác kiểm soát CPSX. Phân tích chỉ ra những mặt hạn chế cần hoàn thiện về kiểm soát CPSX tại công ty.

Từ việc đánh giá công tác kiểm soát CPSX tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định, luận văn đã nêu ra những vấn đề tồn tại trong công tác kiểm soát CPSX như: Ban kiểm soát chưa thực sự phát huy được chức năng và nhiệm vụ của mình; chưa thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ; chưa quan tâm đến chi phí khắc phục môi trường từ đó đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường công tác kiểm soát CPSX tại Công ty.

Để tăng cường công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định, Luận văn đã trình bày các giải pháp: Hoàn thiện môi trường kiểm soát; kiểm soát chi phí NVL; kiểm

soát chi phí NCTT; kiểm soát chi phí SXC; xác lập lại dự toán CPSX; tuân thủ Luật bảo vệ môi trường ...

Luận văn đã phần nào đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu: Đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận về kiểm soát CPSX trong các doanh nghiệp khai thác và CBKS Titan, nêu ra những nhược điểm trong công tác kiểm soát CPSX tại Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định, từ đó Luận văn đã đưa ra các giải pháp tăng cường công tác kiểm soát CPSX, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho công ty.

Tuy nhiên, trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều biến động, hơn nữa nước ta đã chính thức là thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO), vì thế công tác kiểm soát CPSX ở công ty cần thiết phải vận dụng những lý luận về đặc điểm của ngành vào thực tế công tác kiểm soát CPSX của Công ty để công tác kiểm soát CPSX ở công ty ngày càng tốt hơn, đủ sức cạnh tranh và đứng vững trên thương trường trong nước cùng như trên trường quốc tế.